

ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH VÀ KHẢ NĂNG SINH SẢN CỦA GÀ BANG TRỜI

Nguyễn Hoàng Thịnh¹, Nguyễn Thị Vinh¹, Phan Thanh Lâm²,
Mai Thị Thanh Nga², Bùi Hữu Đoàn^{1*}

¹Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

²Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc

*Tác giả liên hệ: bhdoan@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 02.07.2020

Ngày chấp nhận đăng: 12.09.2020

TÓM TẮT

Gà Bang Trời là giống gà bản địa của Việt Nam, được nuôi lâu năm, tập trung chủ yếu ở huyện Hoành Bồ, Quảng Ninh. Nghiên cứu tiến hành nhằm đánh giá đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh sản của gà Bang Trời. Thí nghiệm 1: 400 gà từ mới nở đến 20 tuần tuổi được dùng để xác định đặc điểm ngoại hình và kích thước một số chiều đo. Thí nghiệm 2 gồm 171 gà từ 21-74 tuần tuổi để đánh giá khả năng sinh sản. Kết quả cho thấy gà 1 ngày tuổi có 71% có lông màu vàng nhạt, 29% có màu vàng nâu đậm; đến 20 tuần tuổi, 20% gà trống có màu vàng pha đen, màu vàng cánh gián chiếm 65% và hoa mơ 15%; 65% gà mái có lông xám, 15% màu vàng và 20% hoa mơ, 87% mào đơn, 13% mào nụ; chân gà Bang Trời nhỏ và ngắn, 92% chân màu vàng, 8% chân chì. Ở 20 tuần tuổi, gà Bang Trời có dài lưng trung bình là 19,44cm; dài lườn là 12,96cm; dài cánh là 19,44cm; dài đùi là 10,24cm và vòng ống chân là 4,76cm. Khối lượng cơ thể gà khi tỷ lệ đẻ 5% là 1,69kg; đẻ đỉnh cao là 2,25kg. Năng suất trứng đến 74 tuần tuổi của gà Bang Trời đạt 97,87 quả; tỷ lệ đẻ trung bình là 26,38%; khối lượng trứng trung bình là 48,43g. Tỷ lệ trứng có phôi đạt 94,83%.

Từ khóa: Gà Bang Trời, đặc điểm ngoại hình, khả năng sinh sản.

External Characteristics and Reproductive Performance of Bang Troi Chicken

ABSTRACT

The Bang Troi chicken is one of the Vietnamese native chicken breeds, which is raised mainly in Hoang Bo district, Quang Ninh province. The study was conducted to determine external characteristics and reproductive performance of Bang Troi chicken. In experiment 1, 400 chicks from newborn to 20 weeks of age were raised to record the appearance characteristics and some dimensions of Bang Troi chicken. In experiment 2, 171 chickens from 21 to 74 weeks of age were raised to assess their reproductive performances. Results showed that 1 day-old chicks had 71% with pale yellow feathers, 29% darker yellow brown; at 20 weeks of age, 20% of males had yellow mixed with black, 65% of yellow wings account and 15% of yellow apricot flowers; 65% hens had gray feathers, 15% yellow and 20% apricot, 87% single crested, 13% bud crested; Bang Troi chicken legs were small and short, 92% yellow legs, 8% lead legs. At 20 weeks of age, Bang Troi chicken had an average back length of 19.44cm; the breast length was 12.96cm; the wing length was 19.44cm; thigh length was 10.24cm and shin was 4.76cm. The body weight at laying rate of 5% was 1.69kg; peak production was 2.25kg. Egg yield at 74 weeks of age reached 97.87 eggs; the average farrowing rate was 26.38%; The average egg weight was 48.43g. The rate of egg embryos was 94.83%.

Keywords: Bang Troi chickens, externality characteristic, reproductive performance.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có tiềm năng đa dạng sinh học và có truyền thống thuần hóa gia súc, gia cầm. Các giống gà nội của Việt Nam rất phong phú và

được phân bố khắp các vùng của đất nước, tại mỗi vùng có những giống với nét đặc trưng riêng. Các giống gà nội đều có ưu điểm chung là dễ nuôi, chất lượng thịt, trứng thơm ngon, chịu đựng kham khổ, ít dịch bệnh và thích nghi với điều kiện sinh thái nơi nó sinh ra. Gà bản địa

thường được nuôi với phương thức quảng canh, chăn thả tự nhiên vùng vườn đồi, không được chú ý chọn lọc giữ gìn nguồn gen gốc, giao phối cận huyết, nên giống gà này bị thoái hoá, dẫn đến năng suất thấp (Moula, & cs., 2011; Nguyễn Hoàng Thịnh & cs., 2016). Các giống vật nuôi bản địa là nguồn gen quý, đa dạng để khai thác, phát triển và lai tạo ra các giống thương phẩm trong tương lai và tạo ra hệ thống nông nghiệp bền vững (Hoffman & cs., 2009).

Gà Bang Trới là giống gà gắn liền với 2 địa danh làng Bang và làng Trới xa xưa của huyện Hoà Bình, tỉnh Quảng Ninh. Khi đó, làng Bang thuộc khu vực xã Thống Nhất và làng Trới thuộc xã Lê Lợi bây giờ. Hiện giống gà này được nuôi rải rác ở hầu hết các xã của huyện Hoà Bình, nhiều nhất là ở các xã Thống Nhất, Lê Lợi, Sơn Dương, Đồng Lâm, Vũ Oai. Ngoài những đặc tính quý kể trên của các giống gà bản địa, gà Bang Trới mái có màu lông chủ yếu là vàng nhạt, con trống có màu lông vàng pha xanh đen, giống gà này được người dân đánh giá có thịt dai ngọt, da vàng và giòn; trứng thơm, ngon. Gà Bang Trới được nuôi lâu năm tại địa phương; gà được nuôi nhỏ lẻ trong các hộ dân với số lượng ít; mang tính tự cung, tự cấp; và với mục đích phục vụ cho nhu cầu thực phẩm hàng ngày cũng như các dịp đặc biệt của gia đình; bên cạnh đó cũng chưa có công trình nghiên cứu có hệ thống về các đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà Bang Trới (Nguyễn Thanh Lâm, 2019). Đây chính một trong những lý do dẫn đến sự giao phối cận huyết, gây suy giảm đa dạng di truyền của giống gà này. Với mục đích duy trì đa dạng sinh học,

bảo tồn lưu giữ nguồn gen, cũng như định hướng phát triển giống gà, góp phần an sinh xã hội, cải thiện sinh kế cho người dân địa phương, nghiên cứu tiến hành đánh giá đặc điểm sinh học cũng như khả năng sinh sản của giống gà Bang Trới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện trên đàn gà con mới nở gồm 400 con mới nở, được nở ra từ trứng mua của các hộ chăn nuôi gà Bang Trới ở huyện Hoà Bình. Trứng giống được chọn ở 10 hộ chăn nuôi có đàn gà sinh sản ở giai đoạn 38-45 tuần tuổi, tất cả các trứng được chọn đạt tiêu chuẩn trứng giống theo phương pháp của Bùi Hữu Đoàn & cs. (2011) và được ấp bằng máy ấp tự động. Số gà con thí nghiệm được chia làm 4 lô, mỗi lô 100 con, nuôi đến 20 tuần tuổi. Gà sinh sản 20 tuần tuổi gồm 150 con mái và 21 trống, nuôi đến 74 tuần tuổi, chia làm 3 lô (lặp lại 3 lần, mỗi lô 50 gà mái và 7 gà trống), và được nuôi theo phương thức bán chăn thả có nhà và ổ để cho gà tại công ty Thiên Thuận Tường, Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Gà thí nghiệm được chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy trình nuôi gà lông màu của Viện Chăn nuôi.

Chế độ nuôi dinh dưỡng

+ Giai đoạn 0-8 tuần tuổi cho ăn tự do để đánh giá khả năng sinh trưởng.

+ Giai đoạn dò và hậu bị (9-20 tuần tuổi) cho ăn hạn chế để khống chế khối lượng.

+ Giai đoạn sinh sản cho ăn theo tỷ lệ đẻ.

Bảng 1. Thành phần dinh dưỡng, chế độ ăn và phương thức nuôi

Chỉ tiêu	Giai đoạn tuổi		
	0-8 tuần tuổi (gà con)	9-20 tuần tuổi (Gà dò và hậu bị)	>20 tuần tuổi (Gà đẻ)
ME (Kcal/kg)	2.950	2.750	2.800
Protein (%)	18	15	16
Canxi (%)	0,95-1,0	0,95-1,0	3,5
Photpho TS (%)	0,75	0,70	0,75
Mật độ nuôi (c/m ² nền)	12	8	5
Phương thức nuôi	Nuôi chung ♂+♀	Nuôi riêng ♂;♀	♂/♀ 1/10
Chế độ ăn	Tự do	Hạn chế	Theo tuổi và tỷ lệ đẻ

Thí nghiệm 1: Đánh giá đặc điểm ngoại hình, kích thước một số chiều đo; khối lượng cơ thể gà Bang Trời được tiến hành theo phương pháp của Bùi Hữu Đoàn & cs. (2011) gồm các chỉ tiêu:

Đặc điểm ngoại hình 01 ngày tuổi, 20 tuần tuổi.

Khối lượng cơ thể (g/con).

Kích thước một số chiều cơ thể lúc 20 tuần tuổi.

Tỷ lệ nuôi sống (%).

Thí nghiệm 2: Từ 400 gà Bang Trời nuôi hậu bị đến 20 tuần tuổi, chọn ra 150 con mái và 21 trống (chia làm 3 lô, mỗi lô 50 mái và 7 trống) mang đặc điểm ngoại hình và khối lượng đạt tiêu chuẩn của giống để theo dõi khả năng sinh sản nuôi theo phương thức bán chăn thả thông qua theo dõi trực tiếp, phân tích số liệu (bằng cách đặt sổ theo dõi) và thu thập thông tin liên quan. Các chỉ tiêu theo dõi gồm tuổi đẻ quả trứng đầu (ngày), sản lượng trứng của mái từ 20 tuần tuổi đến 74 tuần tuổi, tỉ lệ trứng có phôi (%), tỉ lệ nở/trứng ấp (%), tỉ lệ nở/trứng có phôi (%), tiêu tốn thức ăn/10 trứng theo phương pháp của Bùi Hữu Đoàn & cs. (2011). Trứng ấp được thu nhận trong giai đoạn gà đẻ ở 38-42 tuần tuổi và được ấp bằng máy ấp. Một số chỉ tiêu về chất lượng trứng tại thời điểm 38 tuần tuổi được thực hiện tại Phòng thí nghiệm Bộ môn Di truyền giống - Khoa Chăn nuôi - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Xử lý số liệu: Số liệu được xử lý thống kê bằng chương trình Microsoft Excel 2003. Số liệu

về đặc điểm ngoại hình, kích thước các chiều đo cơ thể, sinh trưởng, năng suất trứng, chất lượng trứng bằng được xử lý theo phương pháp thống kê mô tả.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm ngoại hình và kích thước một số chiều đo của gà Bang Trời

3.1.1. Đặc điểm ngoại hình

Lông: kết quả theo dõi bộ lông gà mới nở cho thấy, 71% gà con 1 ngày tuổi có lông màu vàng nhạt, 29% có màu vàng nâu đậm hơn; hoàn toàn không có gà con có màu trắng tinh khiết. Như vậy, gà Bang Trời mới nở có màu lông tương tự như gà Mán, gà Ri (Bùi Hữu Đoàn, 2003; Nguyễn Huy Tuấn, 2013) và không có đặc điểm tương đồng với nhóm gà thân to: gà Đông Tảo, gà Hồ và gà Mía (bộ lông màu trắng tinh). Đến 20 tuần tuổi, màu lông toàn thân gà trống có màu vàng pha đen 20%, màu vàng cánh gián chiếm 65% và hoa mơ 15% (Bảng 3); 25% gà có lông đầu và lông cằm; gà trống có bộ lông sặc sỡ nhiều màu, nhất là vùng lông cổ, lông đuôi. Gà mái có lông xám 60%, màu vàng 15% và hoa mơ 20%. Gà mái thường có các đốm đen ở đầu, cánh, cổ.

Mào: gà trống thường có mào đơn 85%; còn lại là mào nụ; gà mái 87% mào đơn, 13% mào nụ.

Chân: chân gà Bang Trời nhỏ và ngắn, tương tự như gà Ri; chân màu vàng chiếm tỷ lệ 92%; 8% chân chì và da gà Bang Trời chủ yếu màu vàng.



Hình 1. Gà Bang Trời 1 ngày tuổi



Hình 2. Gà Bang Trới trưởng thành

Bảng 2. Một số đặc điểm ngoại hình của gà Bang Trới ở 20 tuần tuổi (%)

	Đặc điểm	Trống	Mái
Màu lông	Vàng pha đen	20	15
	Vàng cánh gián	65	0
	Hoa mơ	15	20
	Xám	0	65
	Tổng	100	100
Kiểu mỏ	Đơn	85	87
	Mào nụ	15	13

Kết quả cho thấy, gà Bang Trới có sự khác biệt về màu lông so với các giống gà Ri, gà Tiên Yên, gà Liên Minh (Nguyễn Huy Tuấn, 2013; Nguyễn Đình Tiến & cs., 2020; Bùi Hữu Đoàn & cs., 2016). Điều này cho thấy đây là giống gà rất đặc trưng của huyện Hoành Bồ, Quảng Ninh.

3.1.2. Kích thước một số chiều đo

Kích thước một số chiều đo của gà Bang Trới được trình bày ở bảng 3. ở 20 tuần tuổi, gà Bang Trới có kích thước một số chiều đo như sau: Dài lưng trung bình là 19,44cm, dài lườn là 12,96cm, dài cánh là 19,44cm, dài đùi là 10,24cm, vòng ống chân là 4,76cm. Kết quả này cho thấy dài thân của gà Bang Trới lúc 20 tuần tuổi là 19,44cm, tương đương với gà Tiên Yên (20,1cm) (Nguyễn Đình Tiến, 2020). Tuy nhiên,

ở các chỉ tiêu như vòng ngực, dài cánh, dài lườn thì gà Bang Trới có chiều dài ngắn hơn so với gà Tiên Yên như kết quả công bố của tác giả Nguyễn Đình Tiến & cs (2020).

3.2. Khả năng sinh sản

3.2.1. Tỷ lệ đẻ và khối lượng gà mái

Diễn biến tỷ lệ đẻ và khối lượng gà mái Bang Trới được trình bày ở bảng 4. Gà Bang Trới đẻ quả trứng đầu ở 21,23 tuần tuổi (149 ngày tuổi); đẻ 5% khi 22,35 tuần tuổi; đẻ đỉnh cao ở tuần 33,52. Khối lượng cơ thể gà khi tỷ lệ đẻ bói là 1,65kg; khi đẻ 5% là 1,69kg; khi đẻ đỉnh cao là 2,25kg. Trong điều kiện nuôi nông hộ, gà Bang Trới đẻ quả trứng đầu tiên ở tuần 21,12; đẻ 5% khi 22,00 tuần tuổi; đẻ đỉnh cao ở tuần 33,1. Nguyễn Huy Đạt & cs. (2005), cho biết, Gà Ri

Đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà Bang Trời

dòng trống có tuổi đẻ 5% lúc 141-146 ngày, khối lượng gà mái đạt 1.340-1.367g, ở 38 tuần tuổi, khối lượng cơ thể đạt 1.536,67-1.585,5g. Khối lượng trứng lần lượt đạt 32,69-32,88 và 43,32-43,49g. Dòng mái có tuổi đẻ 5% lúc 140-145 ngày, khối lượng gà mái đạt 1.301,33-1.304,67g khi tỷ lệ đẻ đạt 5% và 1.536,67-1.585,5g ở 38 tuần tuổi. Tương tự, khối lượng trứng lần lượt đạt 32,09-32,3g, 43,03-43,04g. Bùi Thị Thơm

(2017) cho biết, tuổi đẻ 5% của gà Cây Cùm theo dõi qua 4 thế hệ ở 155-162 ngày và tỷ lệ đẻ đạt 50% ở 189-224 ngày. Khối lượng cơ thể gà khi tỷ lệ đẻ 5% là 1,91kg; khi đẻ đỉnh cao là 2,12kg. Gà Liên Minh có tuổi thành thực sinh dục 197,5 ngày (Bùi Hữu Đoàn & cs., 2016). Như vậy, gà Bang Trời có tuổi thành thực sinh dục sớm hơn so với gà Liên Minh nhưng lại chậm hơn so với gà Ri và gà Cây Cùm.

Bảng 3. Kích thước các chiều đo cơ thể gà ở 20 tuần tuổi (cm, n = 30)

Chỉ tiêu	Mean ± SE
Dài lưng	19,44 ± 0,11
Dài lườn	12,96 ± 0,06
Vòng ngực	27,50 ± 0,11
Dài cánh	19,44 ± 0,11
Dài đuôi	19,24 ± 0,11
Vòng ống chân	4,76 ± 0,04

Bảng 4. Tỷ lệ đẻ và khối lượng gà Bang Trời mái (Mean ± SE)

Thời điểm	Tuổi đẻ (tuần)	Khối lượng gà mái (g)
Tuổi đẻ quả trứng đầu	21,23 ± 0,4	1650 ± 7,51
Đẻ đạt 5%	22,35 ± 0,34	1690 ± 7,41
Đẻ đỉnh cao %	33,52 ± 1,09	2250 ± 6,76

Bảng 5. Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng của gà Bang Trời

Giai đoạn (tuần tuổi)	Tỷ lệ đẻ(%)	Năng suất trứng/mái (quả)	Tiêu tốn thức ăn/10 trứng (kg)
22-23	2,63	0,37	11,43
23-24	8,75	1,23	6,41
25-28	22,80	6,38	4,32
29-32	31,10	8,71	3,31
33-36	36,20	10,14	2,77
37-40	34,10	9,55	2,89
41-44	32,30	9,04	3,03
45-48	30,90	8,65	3,29
49-52	28,60	8,01	3,52
53-56	26,10	7,31	3,76
57-60	24,60	6,89	4,13
61-64	23,30	6,52	4,47
65-68	22,10	6,19	5,06
69-72	21,90	6,13	5,15
73-74	19,70	2,76	5,31
Năng suất trứng đến 74 tuần tuổi	26,38	97,87	4,59

3.2.2. Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng

Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng của gà Bang Trới được trình bày ở bảng 5. Tỷ lệ đẻ và năng suất trứng của gà có mối liên hệ chặt chẽ, khi năng suất trứng cao, tỷ lệ đẻ tăng lên và ngược lại. Năng suất trứng của gà Bang Trới đến 74 tuần tuổi là 97,87 quả, tỷ lệ đẻ trung bình là 26,38%, chi phí thức ăn/10 trứng là 4,59kg. Theo Nguyễn Bá Mùi & cs. (2016) tỷ lệ đẻ của gà Ri lúc 38 tuần tuổi là 39,94%, gà Lạc Thủy lúc 40 tuần tuổi là 33,58% (Trần Thanh Vân & cs., 2015) và gà sáu ngón lúc 39 tuần tuổi là 38,24% (Nguyễn Thị Châu Giang & cs., 2017). Bùi Hữu Đoàn & cs. (2016), cho biết gà Liên Minh có năng suất trứng là: trứng/lứa/mái 12,70 ± 7,06 quả, trứng/mái/năm đạt 75,6 quả, lứa/mái/năm đạt 5,95 lứa. Bùi Thị Thơm (2017) cho biết, gà Cáy Cùm có năng suất trứng đến 67 TT đạt 104-115 quả. Như vậy, cho thấy gà Bang Trới có năng suất trứng cao so với các giống gà bản địa khác

3.2.3. Khối lượng và chất lượng trứng của gà Bang Trới

Khối lượng và chất lượng trứng của gà Bang Trới được trình bày ở bảng 6. Kết quả cho thấy, trứng gà Bang Trới có khối lượng 48,43g; tỷ lệ lòng đỏ 32,04%; lòng trắng 56,52%, vỏ là 11,44%, đơn vị Hu là 86,87. Chỉ số hình thái trứng đạt 1,34 ở trứng giống đạt tiêu chuẩn để ấp nở (Bùi Hữu Đoàn & cs., 2011). Nguyễn Bá Mùi & cs. (2016) nghiên cứu trên gà Ri cho thấy gà Ri có khối lượng trứng 50,27g, tỷ lệ lòng đỏ 32,19% và chỉ số hình dạng 1,32. Như vậy, chỉ số hình dạng trứng của gà Bang Trới tương đương với trứng của gà Ri.

3.2.4. Kết quả theo dõi về ấp nở của gà Bang Trới

Kết quả theo dõi về ấp nở của gà Bang Trới (Bảng 7) cho thấy, gà Bang Trới có tỷ lệ trứng có phôi 94,83%, Tỷ lệ nở/trứng có phôi 82,82%; tỷ lệ nở/tổng số trứng vào ấp 76,43%. Tỷ lệ gà loại 1/tổng gà nở 95,45%.

Theo Bùi Hữu Đoàn (2003) nghiên cứu trên gà Mán thì trứng có phôi đạt tỷ lệ 95,35%, tỷ lệ nở chiếm 85,66%. Hồ Xuân Tùng (2009) chỉ ra rằng gà Hồ, Mía và Móng có tỷ lệ nở/tổng số trứng ấp lần lượt là 55,54-75,23%; 69,95-71,25%; 65,89-72,26%. Nguyễn Huy Tuấn (2013) đã thông báo rằng tỷ lệ ấp nở/tổng trứng vào ấp của gà Ri vàng rơm và ri lai là 77%-77,95%. Theo Ngô Thị Kim Cúc & cs. (2013) cho biết, gà Mía có thì tỷ lệ nở/trứng ấp chỉ đạt 66,7-66,9%, gà Hồ có tỷ lệ trứng có phôi là 72,81% (Nguyen Van Duy & cs., 2015). Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉ lệ ấp nở của gà Bang Trới thấp hơn so với gà Mán nhưng cao hơn các giống gà Mía, Móng và Ri.

4. KẾT LUẬN

Gà Bang Trới lúc 1 ngày tuổi chủ yếu có hai màu lông là 71% có lông màu vàng nhạt, 29% có màu vàng nâu đậm. Ở 20 tuần tuổi, gà trống màu vàng cánh gián chiếm 65%; có màu vàng pha đen 20% và hoa mơ 10%; 25% gà có lông đầu và lông cằm; Gà trống có bộ lông sặc sỡ nhiều màu nhất là vùng lông cổ, lông đuôi. Gà mái có lông xám 60%, màu vàng 15% và hoa mơ 20%. Gà mái thường có các đốm đen ở đầu, cánh, cổ. Gà có mào đơn là chính, da vàng, chân thấp và nhỏ.

Bảng 6. Khối lượng và chất lượng trứng của gà Bang Trới (n = 30)

Chỉ tiêu	Đvt	Mean ± SE	Cv (%)
Khối lượng trứng	g	48,43 ± 0,36	7,32
Chỉ số hình thái (D/d)		1,34 ± 0,01	7,43
Tỷ lệ lòng đỏ	%	32,04 ± 0,42	7,43
Tỷ lệ lòng trắng	%	56,52 ± 0,38	6,86
Tỷ lệ vỏ	%	11,44 ± 0,32	9,76
Đơn vị Haugh		86,87 ± 0,54	7,54

Bảng 7. Một số kết quả theo dõi về ấp nở của gà Bang Trới

Lứa ấp	Tổng trứng ấp (quả)	Tỷ lệ trứng có phôi (%)	Tỷ lệ nở/trứng có phôi (%)	Tỷ lệ nở/tổng trứng ấp (%)	Tỷ lệ gà loại 1/ tổng gà nở (%)
1	115	96,02	88,77	75,33	95,33
2	143	95,13	80,79	76,28	96,28
3	149	94,17	82,39	77,69	97,69
4	242	92,19	81,76	74,36	94,36
5	205	94,89	83,61	74,97	94,97
Trung bình	854	94,83	82,82	76,43	95,45

Gà Bang Trới nuôi theo phương thức bán chăn thả bằng thức ăn công nghiệp để quả trứng đầu tiên ở tuần tuổi 22, để đạt 5% ở tuần tuổi 22-23 và tỷ lệ đẻ đạt đỉnh cao ở tuần tuổi 32-33. Khối lượng cơ thể gà khi tỷ lệ đẻ 5% là 1,69kg; để đỉnh cao là 2,25kg. Năng suất trứng đến 74 tuần tuổi của gà Bang Trới là 97,87 quả; tỷ lệ đẻ trung bình là 26,38%, tiêu tốn thức ăn/10 trứng là 4,56kg; Trứng gà Bang Trới có khối lượng trung bình 48,43g, trứng có chất lượng tốt. Tỷ lệ trứng có phôi là 94,83%, tỷ lệ nở/trứng có phôi 82,82%; tỷ lệ nở/tổng số trứng vào ấp 76,43%. Tỷ lệ gà loại 1/tổng gà nở là 95,45%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Hữu Đoàn (2003). Nghiên cứu giống gà Mán nuôi tại tỉnh Cao Bằng. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 7: 895-896.
- Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thanh Sơn & Nguyễn Huy Đạt (2011). Các chỉ tiêu dùng trong nghiên cứu chăn nuôi gia cầm. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Bùi Hữu Đoàn, Phạm Kim Đăng, Hoàng Anh Tuấn & Nguyễn Hoàng Thịnh (2016). Lien Minh chicken breed and livehood of people on district island Cat Hai of Hai Phong city, Vietnam: Characterization and prospects. Journal of Animal Husbandry Science and technics. 209: 26-31.
- Hoffmann M., Böhm M., Hilton-Taylor C. & Brooks H. (2009). The Impact of Conservation on the Status of the World's Vertebrates. Science. 300: 503-1509.
- Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Huy Đạt, Trần Văn Phương & Vũ Chí Thiện (2009). Bảo tồn nguồn gen gà nội (gà Hồ, Mía và gà Móng). Báo cáo kết quả bảo tồn nguồn gene vật nuôi Việt Nam (2005-2009). Viện Chăn nuôi. tr. 82-95.
- Moula M., Luc D.D., Dang P.K., Farnir F., Ton V.D., Binh D.V., Leroy P. & Antoine-Moussiaux N. (2011). The Ri chicken breed and livelihoods in North Viet Nam: characterisation and prospects. Journal of Agriculture and Rural Development in the Tropics and Subtropics. 112(1): 57-69.
- Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Định, Trần Trung Thông, Nguyễn Thị Minh Tâm & Phạm Thị Bích Hương (2013). Bảo tồn và khai thác nguồn gen gà Mía, Chuyên khảo Bảo tồn và khai thác nguồn gen vật nuôi Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. tr. 162-171.
- Nguyễn Bá Mùi & Phạm Kim Đăng (2016). Khả năng sản xuất của gà Ri và con lai (Ri-Sasso-Lương Phượng) nuôi tại An Dương, Hải Phòng. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 3(7): 392-399.
- Nguyễn Hoàng Thịnh, Phạm Kim Đăng, Vũ Thị Thúy Hằng, Hoàng Anh Tuấn & Bùi Hữu Đoàn (2016). Một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của gà nhiều ngón nuôi tại rừng quốc gia Xuân Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 14(1): 9-20.
- Nguyễn Huy Đạt, Vũ Thị Hương & Hồ Xuân Tùng (2005). Nghiên cứu chọn lọc nâng cao năng suất gà Ri vàng rom. Báo cáo khoa học năm 2005. Viện Chăn nuôi.
- Nguyễn Thị Châu Giang, Nguyễn Khánh Toàn & Đỗ Đức Lực (2017). Đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất gà sáu ngón nuôi tại Lạng Sơn, Kỳ yếu Hội nghị Khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ. tr. 130-135.
- Nguyễn Huy Tuấn (2013). Khả năng sản xuất của tổ hợp lai giữa gà Ri vàng rom và gà ri lai (7/8 vàng rom và 1/8 lương phương) nuôi tại trại thực nghiệm của gia cầm Liên Ninh". Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Nguyễn Thanh Lâm (2019). Báo cáo tổng kết đề tài: Nhân thuần lưu giữ bảo tồn giống gà Bang Trới.
- Nguyễn Thị Thom (2017). Khai thác và phát triển giống gà Cáy Cùm tại Cao Bằng và Hà Giang. Báo cáo tổng kết đề tài.

Nguyen Van Duy, Nassim Moula, Do Duc Luc, Pham Kim Dang, Dao Thi Hiep, Bui Huu Doan, Vu Dinh Ton & Frederic Farnir (2015). Ho Chicken in Bac Ninh Province (Vietnam): From an Indigenous Chicken to Local Poultry Breed, *International Journal of Poultry Science*. 14(9): 521-528.

Nguyễn Đình Tiến, Nguyễn Công Oánh, Nguyễn Văn Duy, Vũ Đình Tôn (2020). Đặc điểm ngoại hình,

khả năng sinh trưởng và năng suất thịt của gà Tiên Yên. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. 18(6): 423-433.

Trần Thanh Vân, Đỗ Thị Kim Dung, Vũ Ngọc Sơn & Nguyễn Thị Thúy My (2015). Nghiên cứu một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà địa phương Lạc Thủy - Hòa Bình. *Hội nghị Khoa học Chăn nuôi - Thú y toàn quốc*. Trường Đại học Cần Thơ.